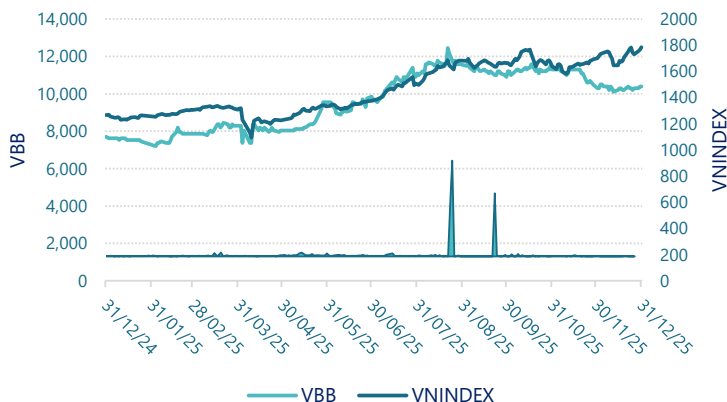




Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (UPCOM: VBB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,451
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,199
SL cổ phiếu LH	1,076,897,384
KLGD BQ 20 phiên (CP)	47,120
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,200
P/E	9.3
EPS	1,123

DT thuần

Q4/25

-2,345

tỷ VNĐ

QoQ: ▼211| -9.9%

YoY: ▼494| -26.7%

LN sau thuế

Q4/25

0

tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.2%

+/- YoY: ▼ 7.5%

DT thuần

2025

-8,654

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,744| -25.2%

LN sau thuế

2025

0

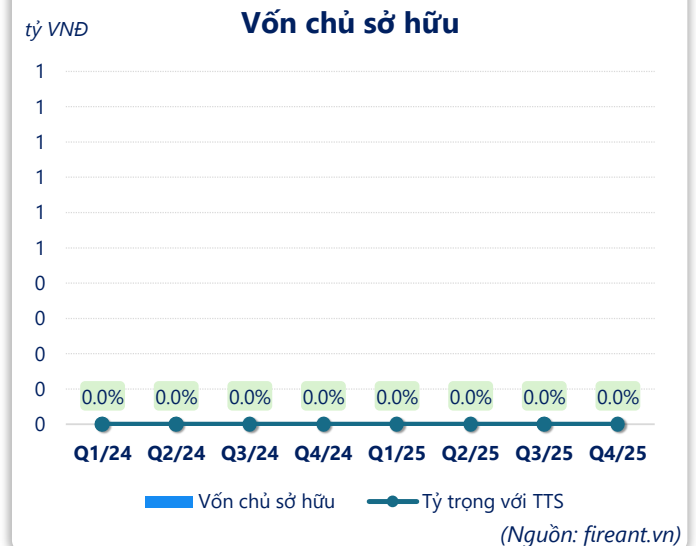
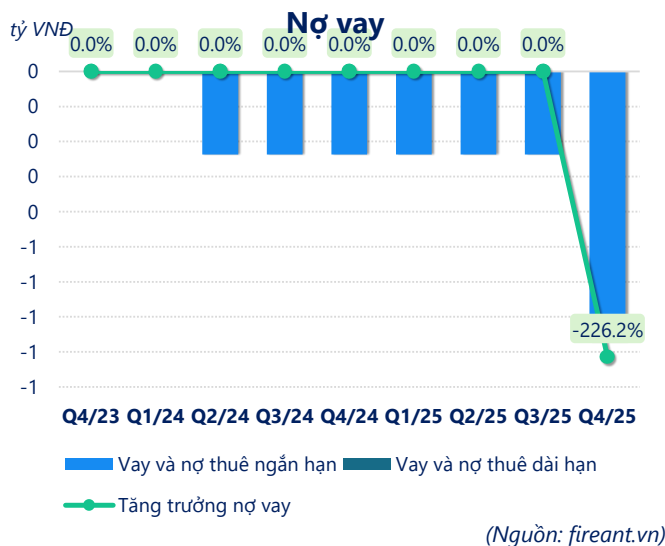
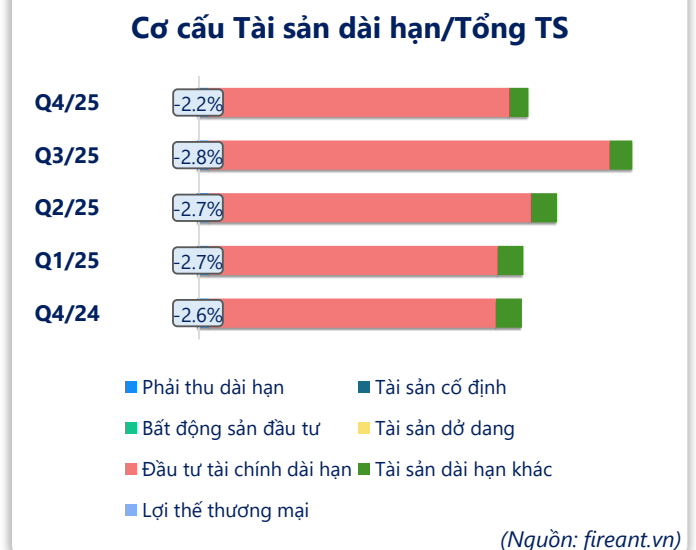
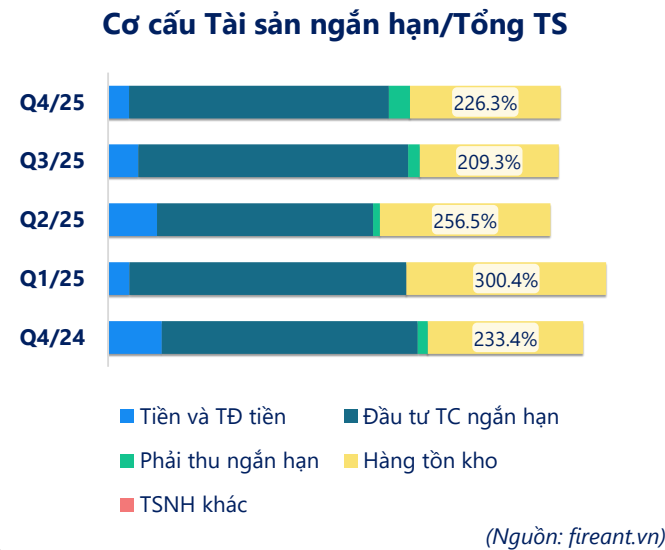
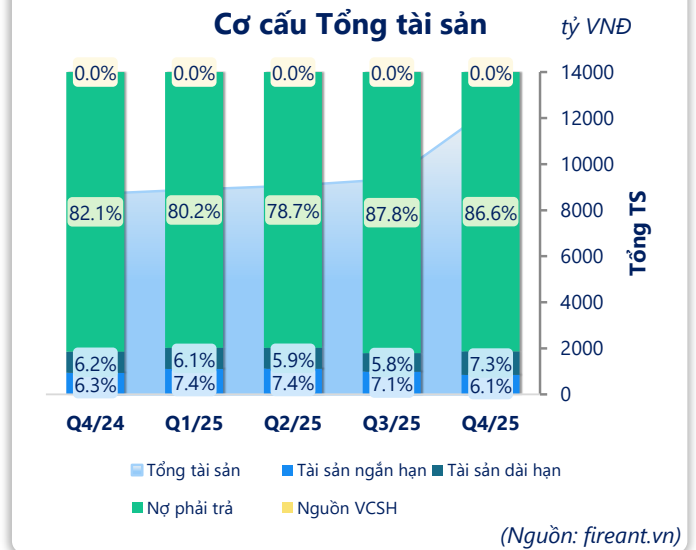
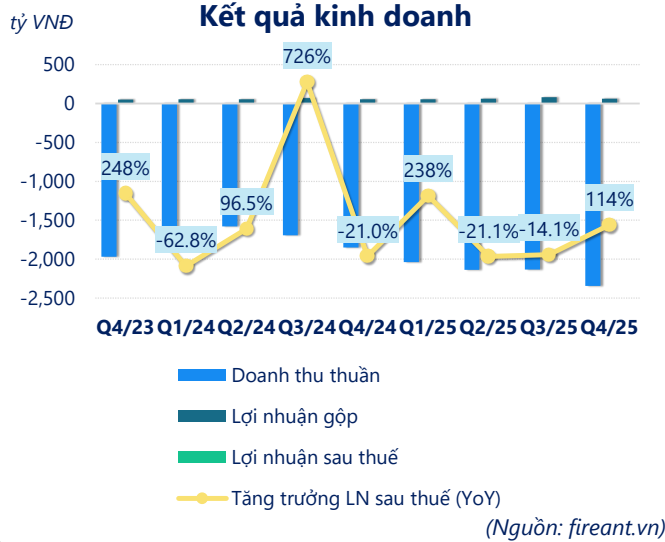
tỷ VNĐ

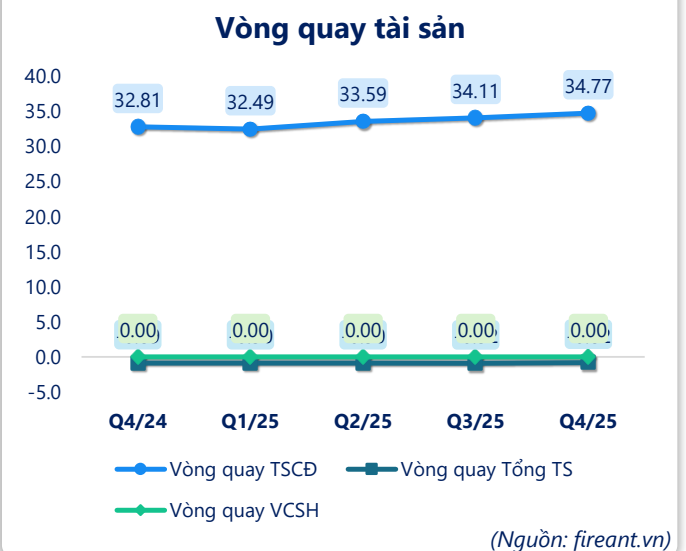
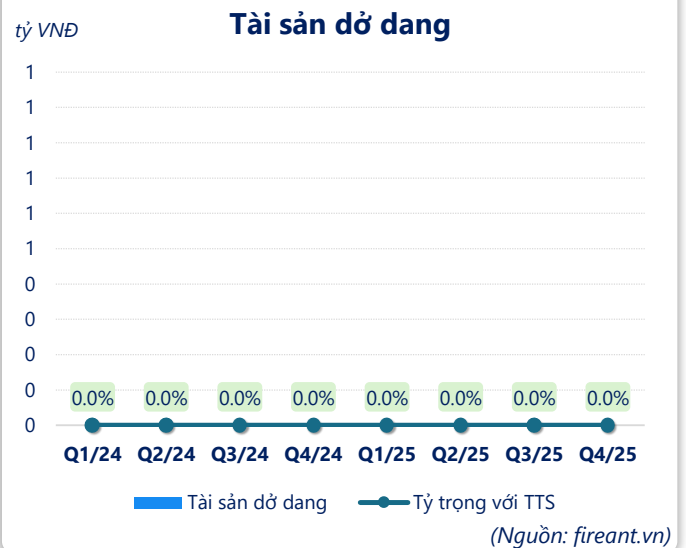
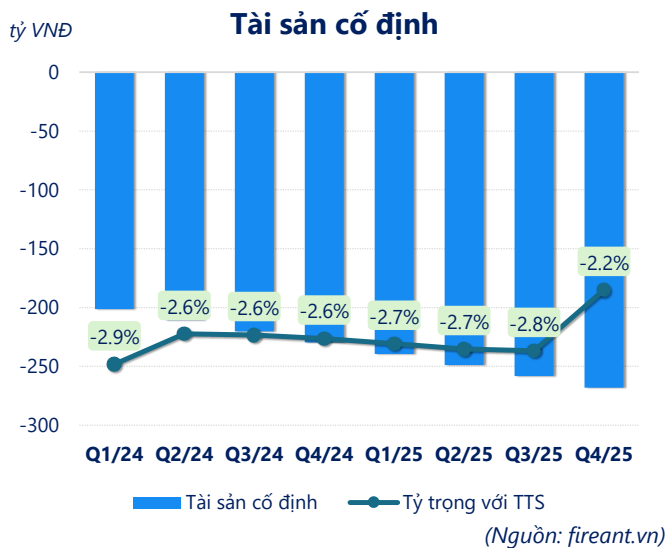
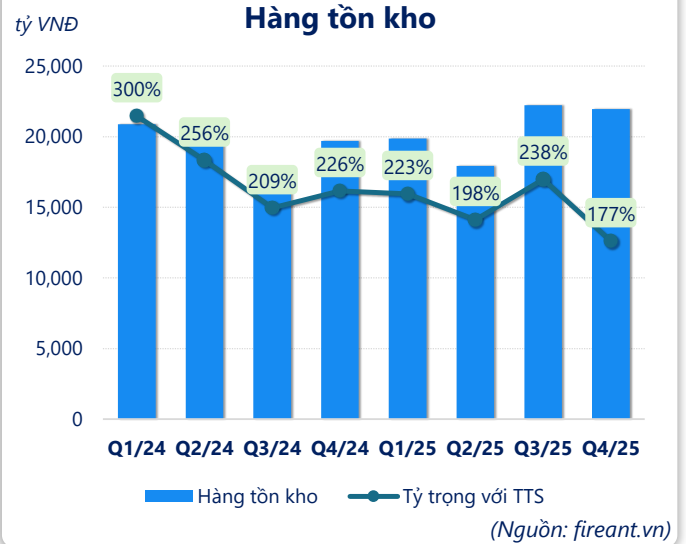
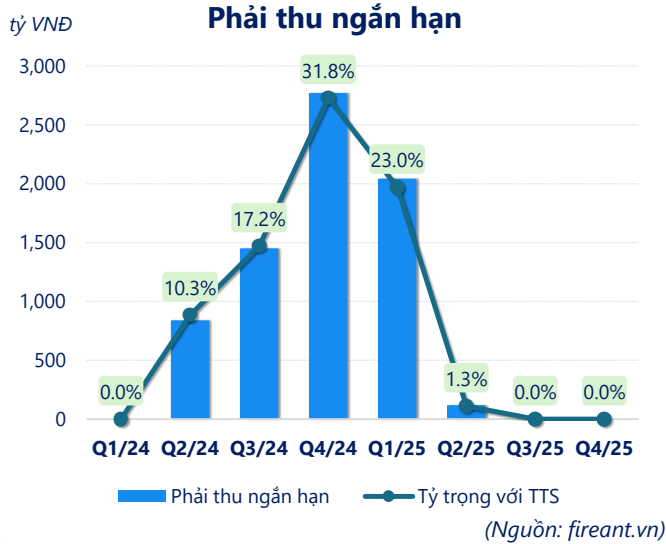
ROE

2025

#VALUE!

#VALUE!





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	8,701	8,898	9,073	9,353	12,432
Tài sản ngắn hạn	549	662	667	660	753
Tiền và tương đương tiền	7,025	2,846	6,664	4,245	3,933
Đầu tư tài chính ngắn hạn	34,021	43,917	35,701	45,287	50,915
Phải thu ngắn hạn	2,771	2,043	117	0	0
Hàng tồn kho	19,688	19,871	17,929	22,228	21,944
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn	543	541	535	540	910
Phải thu dài hạn	1,126	1,135	1,142	1,162	1,537
Tài sản cố định	-230	-239	-249	-258	-268
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	32,882	33,853	38,494	49,396	49,208
Tài sản dài hạn khác	2,996	3,036	3,131	2,820	3,196
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	7,139	7,139	7,139	8,210	10,769
Nợ ngắn hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê ngắn hạn	-0.24	-0.24	-0.24	-0.24	-0.77
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	0	0	0	0	0
Vốn điều lệ	0	0	0	0	0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)